

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TMH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TMH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMH TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TMH TECH., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109996928

3. Ngày thành lập: 17/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô DM7-11 Điểm tiêu thủ công nghiệp làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3553 9897

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy.	4659
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
9.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
10.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (Hoạt động theo quy định tại Điều 41,42,43 Luật Khám chữa bệnh 2009)	8610
11.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (Hoạt động theo quy định tại Điều 41,42,43 Luật Khám chữa bệnh 2009)	8620
12.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Hoạt động theo quy định tại Điều 41,42,43 Luật Khám chữa bệnh 2009)	8699
13.	Hoạt động thư viện và lưu trữ (Hoạt động theo quy định tại Điều 18, 20 Luật Thư viện 2019)	9101

14.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
15.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
16.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
17.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
18.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
19.	Hoạt động tư vấn quản lý (không tư vấn về tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn pháp luật,...)	7020
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 Luật Xây dựng năm 2014); - Tư vấn quản lý dự án xây dựng (Điều 152 Luật Xây dựng năm 2014); - Khảo sát xây dựng (Điều 153 Luật Xây dựng năm 2014); - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng năm 2014); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây dựng năm 2014); - Tư vấn lập, tư vấn thẩm tra, tư vấn thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; tư vấn lập, tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. (Hoạt động theo quy định tại Điểm b, khoản 2, điều 6 Luật Đấu thầu năm 2013; Điều 111 Nghị định 63/2014 hướng dẫn Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu)	7110
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
23.	Quảng cáo	7310
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

28.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
29.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
30.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
31.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
34.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
35.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
41.	Xuất bản phần mềm	5820
42.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
43.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
44.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
46.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn: Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, sản xuất mặt nạ khí gas.	3290
47.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
48.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm tại các công trình nhà ở và dân dụng.	4321
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 980.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THANH SƠN	Xóm 11, Xã Xuân Thủy, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	147.000	1.470.000.000	15,000	0360900257 73	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	147.000	1.470.000.000	15,000		
2	LƯƠNG NGỌC TUẤN	5/104 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	10,000	0340780000 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	98.000	980.000.000	10,000		

3	NGUYỄN VĂN HUYNH	Tổ dân phố 8 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	10,000	0360870039 35
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	98.000	980.000.000	10,000	
4	VŨ THỊ HỒNG HẠNH	Liên Trì Đồng Sơn, Xã Tuyết Nghĩa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	147.000	1.470.000.000	15,000	0361880107 16
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	147.000	1.470.000.000	15,000	
5	ĐOÀN HOÀNG TRUNG	Thôn Mai Thượng, Xã Hương Mai, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	10,000	122129473
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	98.000	980.000.000	10,000	

6	PHẠM HOÀI THANH	Tổ dân phố số 1, Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	392.000	3.920.000.000	40,000	030083000020
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	392.000	3.920.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM CHÍ CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/07/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036096000709

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tiểu khu đô thị Nam La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tiểu khu đô thị Nam La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội